TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NGÃ NĂM
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 12/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 11- 8 - 2002.
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Ngô Thị Mỹ Hạnh**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Ngô Thành Long.**

2. Bà **Phan Ngọc Giàu.**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Minh Tân** – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông **Trương Minh Diền** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 22/2020/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 01 năm 2020 về việc tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/6/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 65A/2020/QĐST-HNGĐ ngày 27/7/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1964 (có mặt).

- Bị đơn: Ông Trần Văn N, sinh năm 1960 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp Mỹ T, xã Mỹ Q, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Nguyễn Thị M trình bày như sau:***

Vào ngày 19 tháng 11 năm 1985 bà và ông N được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng bà có 04 con chung là Trần Văn Ng, sinh năm 1986, Trần Văn T, sinh năm 1988, Trần Thị M, sinh năm 1989 và Trần Thị H, sinh năm 1992, hiện các con đều đã lập gia đình và có cuộc sống riêng tư. Thời gian chung sống vợ chồng bà không có tài sản chung, không có nợ

chung và cũng không có ai nợ vợ chồng bà. Khi mới cưới thì vợ chồng bà chung sống rất vui vẻ và hạnh phúc. Tuy nhiên kể từ khoảng từ ngày 01/01/2017 thì bà và ông N phát sinh rất nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cự cải. Mâu thuẫn giữa vợ chồng bà không có ai biết.

Tại phiên tòa hôm nay bà yêu cầu:

- Về hôn nhân: Bà yêu cầu ly hôn với ông Trần Văn N.

- Về con chung: Do các con đã trưởng thành có cuộc sống riêng nên bà không yêu cầu xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung, nghĩa vụ cấp dưỡng khi ly hôn: Không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Bị đơn vắng mặt nên không có ý kiến

Tại phiên tòa hôm nay, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án, Thẩm phán, Thư ký, HĐXX đã tuân theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, thu thập chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và mở phiên tòa theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ.

Về việc giải quyết vụ án: Bà M và ông N sống chung với nhau trên cơ sở tự nguyện từ năm 1985 nên đây là hôn nhân thực tế được pháp luật bảo vệ. Tuy nhiên sau khi về chung sống ông, bà lại phát sinh mâu thuẫn không thể hòa hợp nên việc Bà M yêu cầu ly hôn là có căn cứ đề nghị HĐXX chấp nhận. Về con chung thì do các con đã trưởng thành nên Bà M không yêu cầu. Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn thì Bà M và ông N không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Trần Văn N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, vì vậy HĐXX căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông N.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị M và ông Trần Văn N sống chung với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn, tuy nhiên vào thời điểm ông bà sống chung với nhau vào năm 1985 thì theo hướng dẫn tại Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 thì hôn nhân của bà và ông N là hôn nhân thực tế được pháp luật bảo vệ. Lẽ ra, trong quá trình sống chung ông bà lo chí thú làm ăn để xây dựng gia đình đầm ấm, hạnh phúc, nhưng ngược lại trong cuộc sống chung giữa ông bà đã phát

sinh nhiều mâu thuẫn. Theo Bà M trình bày nguyên nhân là do mâu thuẫn gia đình ngày càng nhiều, thường xuyên cự cãi, cuộc sống vợ chồng không còn tin tưởng nhau, không còn thương yêu lẫn nhau, cuộc sống không hòa hợp, không hạnh phúc, không thể chung sống với nhau như vợ chồng được nữa, nên bà và ông N sống ly thân với nhau từ năm 2017 cho đến nay. Sau khi thụ lý Tòa án cũng đã tiến hành hòa giải nhằm hàn gắn tình cảm vợ chồng cho anh, chị để cùng nhau nuôi dạy con chung nhưng ông N không đến. Xét thấy, đời sống chung giữa ông, bà không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, HĐXX căn cứ vào Điều 39 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Bà M.

[3] Con chung: Quá trình sống chung, ông bà có 04 con chung là Trần Văn N, sinh năm 1986, Trần Văn T, sinh năm 1988, Trần Thị M, sinh năm 1989 và Trần Thị H, sinh năm 1992 nhưng các con đã trưởng thành và có gia đình sống riêng tư nên bà không yêu cầu xem xét, giải quyết, do đó HĐXX không đặt ra xem xét.

[4] Tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng khi ly hôn: Không yêu cầu xem xét, giải quyết, nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[5] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa hôm nay là có căn cứ, đúng quy định pháp luật và phù hợp với nhận định nêu trên của HĐXX nghĩ nên chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát.

[6] Án phí sơ thẩm: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết về án phí và lệ phí Tòa án. Bà Nguyễn Thị M phải chịu án phí hôn nhân và gia đình; ông Trần Văn N không phải chịu tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 39 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị M. Cho bà Nguyễn Thị M được ly hôn với ông Trần Văn N.

[2] Về con chung: Các con tên Trần Văn N, sinh năm 1986, Trần Văn T, sinh năm 1988, Trần Thị M, sinh năm 1989 và Trần Thị Huyền, sinh năm 1992 đã trưởng thành có khả năng tự nuôi sống bản thân, Bà M không yêu cầu xem xét, giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[3] Về tài sản chung, nợ chung, nghĩ vụ ấp dưỡng khi ly hôn: Không yêu cầu xem xét, giải quyết, nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002891 ngày 31/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm. Như vậy, Bà M đã thực hiện xong tiền án phí.

Án sơ thẩm xét xử công khai báo cho các đương sự biết có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tống đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận*:**
- VKSND thị xã Ngã Năm;
- CCTHADS thị xã Ngã Năm;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu VT, Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thị Mỹ Hạnh

***Nơi nhận*:**
- VKSND thị xã Ngã Năm;
- THADS thị xã Ngã Năm;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng
- Lưu VT, Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thị Mỹ Hạnh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM TAND THỊ XÃ NGÃ NĂM

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

Trần Thị Lệ **Nguyễn Văn Tân**

Ngô Thị Mỹ Hạnh